| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**TỈNH ĐỒNG THÁP** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 04/2018/HC-ST
Ngày: 27-7-2018
V/v khiếu kiện quyết định giải quyết khiếu nại trong lĩnh vực đất đai

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

*Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa*: Ông Nguyễn Văn Mỹ

*Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Ông Trần Phước Đa
2. Ông Trần Văn Thành

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Hồ Thị Mỹ Linh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Ngọc Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 61/2017/TLST-HC ngày 02 tháng 11 năm 2017, về khiếu kiện quyết định giải quyết khiếu nại trong lĩnh vực đất đai theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2018/QĐXXST-HC ngày 04 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

*1. Người khởi kiện*:

- Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1961
Địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện T, Đồng Tháp.

- Ông Nguyễn T1, sinh năm 1948
Địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện T, Đồng Tháp.

- Ông Nguyễn Hùng V, sinh năm 1944
Địa chỉ: Tổ 2, ấp T, xã L, huyện X, Đồng Nai.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn T1 và ông Nguyễn Hùng V: Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1961 (Văn bản ủy quyền ngày 18 tháng 9 năm 2017 và ngày 30 tháng 5 năm 2017).

*2. Người bị kiện*:

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch UBND Tỉnh*: Ông Huỳnh Thanh Sơn – Trưởng Ban tiếp công dân – Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Tháp

Người đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch UBND huyện T: Bà Lê Thị Lệ Thủy – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T (Văn bản ủy quyền ngày 13/11/2017).

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch UBND huyện T*: Ông Nguyễn Tấn Hồng – Phó Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện T.

(Bà Nguyễn Thị Đ, ông Huỳnh Thanh Sơn, bà Lê Thị Lê Thủy và ông Nguyễn Tấn Hồng có mặt tại phiên tòa, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp có đơn xin xét xử vắng mặt).

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Theo đơn khởi kiện đề ngày 26/9/2017, tại phiên đối thoại cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bà Nguyễn Thị Đ với tư cách là người khởi kiện và là người đại diện theo ủy quyền của người đồng khởi kiện ông Nguyễn T1 và ông Nguyễn Hùng V trình bày***:

Năm 1959, chế độ cũ cấp cho ông Nguyễn T2 (cha ruột bà Đ, ông T1 và ông V) số đất ruộng là 10.000 $m^2$ tọa lạc tại khu vực L (cập biên giới Campuchia) nay thuộc ấp C, xã T.

Sau khi được cấp đất, gia đình ông T2 đã canh tác từ năm 1960, đến năm 1977 chiến tranh biên giới Tây Nam nên gia đình ông phải sơ tán đi nơi khác. Đến năm 1979, chiến tranh kết thúc, gia đình ông T2 trở về sinh sống ở nơi cũ và tiếp tục canh tác đất cho đến năm 1981 thì phần đất trên nằm trong quy hoạch Nông trường S nhưng không có hỗ trợ bồi thường cho gia đình ông T2.

Đến năm 1989, Nông trường S giải thể, giao đất lại cho Huyện đội huyện T quản lý. Năm 1999, huyện đội giao hết phần đất này cho UBND xã T tiếp tục

quản lý. Gia đình ông T2 có viết đơn gửi đến UBND xã T và UBND huyện T xin được thuê lại phần đất nói trên nhưng không được xem xét giải quyết. Cuối cùng UBND huyện T quản lý và gây quỹ đất cho đến nay.

Bà Đ có viết đơn khiếu nại đến UBND huyện T để đòi lại diện tích đất 10.000 $m^2$ nói trên và được Ủy ban giải quyết thông qua Quyết định số 1006/QĐ-UBND-NĐ ngày 14/10/2014. Không đồng ý với Quyết định trên, bà Đ tiếp tục khiếu nại đến UBND tỉnh Đồng Tháp yêu cầu hủy bỏ Quyết định số 1006/QĐ.UBND-NĐ của Chủ tịch UBND huyện T. Ngày 18/02/2016, Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Tháp ban hành Quyết định số 47/QĐ.UBND-NĐ bác nội dung yêu cầu của bà Đ.

Bà Đ cho rằng Quyết định số 1006/QĐ-UBND-NĐ ngày 14/10/2014 và Quyết định số 47/QĐ-UBND-NĐ ngày 18/02/2016 là không đúng sự thật; Bà Đ không đồng ý việc UBND tỉnh khi xem xét giải quyết đơn khiếu nại của bà đã không có kiểm tra, không đối thoại, không cho các ban ngành xác minh, xem xét cụ thể cũng như không có lập biên bản đúng hay sai, mà lại ban hành quyết định không đúng với lời trình bày trong đơn của bà Đ.

Nay, ông Nguyễn T1, ông Nguyễn Hùng V và bà Nguyễn Thị Đ yêu cầu Tòa án Tỉnh hủy Quyết định số 1006/QĐ-UBND-NĐ ngày 14/10/2014 của Chủ tịch UBND huyện T và Quyết định số 47/QĐ-UBND-NĐ ngày 18/02/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Tháp; Đồng thời, xem xét giải quyết chứng nhận cho ông T1, ông V và bà Đ được quyền sử dụng 10.000 $m^2$ tọa lạc tại khu vực L, thuộc ấp C, xã T thuộc 02 thửa ô số 1 và ô số 2 để gia đình ông bà có đất canh tác sản xuất.

***Theo văn bản ngày 13/11/2017, người bị kiện Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Tháp trình bày:***

Phần đất bà Nguyễn Thị Đ khiếu nại với yêu cầu giao lại, diện tích 10.000 $m^2$ đất nông nghiệp, được chính quyền Sài Gòn cấp cho ông Nguyễn T2 (cha bà Đ) canh tác lúa mùa không xác định diện tích vào thời điểm trước năm 1975. Năm 1977, chiến tranh biên giới Tây Nam các hộ dân có đất tại khu vực không canh tác. Năm 1980, Bộ đội công binh Đoàn 7706 của tỉnh Đồng Tháp đã dùng phương tiện quân sự để tháo gỡ mìn thuộc khu vực biên giới, đồng thời cày đất để sản xuất lúa mùa và quy hoạch Nông Trường S.

Năm 1989, Nông Trường S giải thể, quỹ đất giao về cho chính quyền địa phương quản lý (trong đó có các hộ dân đã được Nông Trường giao khoán trước

đó tiếp tục nhận khoán cho đến nay). Riêng khu vực đất giáp kênh T - sông S thuộc quỹ đất của UBND xã T quản lý. Cũng trong năm 1989, UBND huyện T được tách ra từ huyện H, vì vậy khu vực đất giáp kênh T - sông S được giao lại cho Ban chỉ huy Quân Sự huyện T quản lý sử dụng. Năm 1998, Ban chỉ huy Quân sự huyện T bàn giao lại khu vực đất nói trên cho UBND huyện T.

Năm 2014, bà Nguyễn Thị Đ cho rằng chính quyền Sài Gòn cấp đất diện tích 10.000 $m^2$ cho cha bà là ông Nguyễn T2 canh tác, nay ông Nguyễn T2 qua đời nên bà Nguyễn Thị Đ có đơn khiếu nại đòi lại đất.

Ngày 14 tháng 10 năm 2014, Chủ tịch UBND huyện T ban hành Quyết định số 1006/QĐ-UBND-NĐ bác đơn khiếu nại đòi lại đất của bà Nguyễn Thị Đ. Bà Đ không thống nhất, tiếp tục khiếu nại.

Qua kiểm tra, rà soát phần đất bà Nguyễn Thị Đ khiếu nại là của ông Nguyễn T2 nhưng bà Nguyễn Thị Đ chưa được sự ủy quyền của các anh, chị, em để khiếu nại. Do vậy, bà Nguyễn Thị Đ chưa đủ tư cách để khiếu nại yêu cầu Nhà nước trả lại đất. Trong trường hợp này giải quyết bác tư cách khiếu nại của bà Nguyễn Thị Đ.

Ngày 18 tháng 02 năm 2016, Chủ tịch UBND Tỉnh ban hành Quyết định số 47/QĐ-UBND-NĐ sửa Điều 1 Quyết định số 1006/QĐ-UBND-NĐ của Chủ tịch UBND huyện T, giải quyết bác đơn khiếu nại của bà Nguyễn Thị Đ.

Căn cứ khoản 5 Điều 26 Luật Đất đai năm 2013 Nhà nước không thừa nhận việc đòi lại đất đã được giao theo quy định của Nhà nước cho người khác sử dụng trong quá trình thực hiện chính sách đất đai. Chủ tịch UBND Tỉnh đề nghị Tòa án nhân dân Tỉnh giữ nguyên Quyết định 47/QĐ-UBND-NĐ ngày 18 tháng 02 năm 2016 của Chủ tịch UBND Tỉnh.

***Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Tháp là ông Huỳnh Thanh Sơn trình bày:***

Quyết định số 47/QĐ-UBND-NĐ ngày 18/02/2016 của Chủ tịch UBND Tỉnh đã bị hủy bởi Quyết định số 232/QĐ-UBND-ND ngày 17/7/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Tháp, lý do hủy là do quyết định trên ban hành chưa phù hợp qui định pháp luật.

Trước đây, việc cá nhân bà Đ đứng đơn khiếu nại trước đây tại UBND huyện T là chưa có đủ tư cách. Nay, nếu tất cả những người đồng hàng thừa kế thứ nhất của ông T2 có yêu cầu đòi đất thì cùng đứng đơn khiếu nại hoặc ủy

quyền cho bà Đ đứng đơn khiếu nại gửi đến UBND huyện T để được xem xét giải quyết theo thẩm quyền.

***Người đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch UBND huyện T là bà Lê Thị Lệ Thủy trình bày:***

Quyết định số 1006/QĐ-UBND-NĐ ngày 14/10/2014 của Chủ tịch UBND huyện T đã bị hủy bởi Quyết định số 482/UBND-TCD ngày 26/7/2018 của Chủ tịch UBND huyện T. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của người khởi kiện.

Nay nếu có yêu cầu thì tất cả những người đồng hàng thừa kế thứ nhất của ông T2 cùng đứng đơn hoặc cùng ủy quyền cho bà Đ đứng đơn khiếu nại gửi đến UBND huyện T để được xem xét giải quyết theo thẩm quyền.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu:**

Về thủ tục tố tụng: Việc chấp hành theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử đều thực hiện đúng theo quy định của Luật tố tụng hành chính từ khi thụ lý đến khi xét xử, đảm bảo cho các đương sự được thực hiện quyền và nghĩa vụ của họ theo quy định của Luật tố tụng hành chính.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu khởi kiện của các đương sự.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa; trên cơ sở ý kiến trình bày của các bên đương sự, ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[2]. Về thẩm quyền:

Ngày 02/7/2014 bà Nguyễn Thị Đ gửi đơn khiếu nại đến UBND huyện T, tỉnh Đồng Tháp yêu cầu giao trả 10.000 $m^2$ cho gia đình bà sản xuất.

Ngày 14/10/2014, Chủ tịch UBND huyện T ban hành Quyết định số 1006/QĐ-UBND-NĐ giải quyết khiếu nại lần đầu của bà Nguyễn Thị Đ với nội dung: Bác đơn khiếu nại đòi lại đất, lý do: khiếu nại đòi lại đất không phù hợp với quy định tại khoản 5 Điều 26 Luật đất đai năm 2013.

Bà Đ không đồng ý nên tiếp tục khiếu nại đến Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 18/02/2016, Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Tháp ban hành Quyết định số 47/QĐ-UBND-NĐ giải quyết khiếu nại lần hai của bà Nguyễn Thị Đ, nội dung: Sửa Điều 1 Quyết định số 1006/QĐ-UBND-NĐ của Chủ tịch UBND huyện T, giải quyết: Bác đơn khiếu nại của bà Đ.

Như vậy, nội dung hai quyết định trên đều làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà Đ, do đó, được coi là đối tượng của vụ án hành chính và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 30 và 32 Luật Tố tụng hành chính.

[3]. Về thời hiệu:

Ngày 03/3/2016, bà Đ nhận được Quyết định số 47/QĐ-UBND-NĐ của Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 14/12/2016 bà Đ nộp đơn khởi kiện tại Tòa án yêu cầu hủy Quyết định số 1006 và Quyết định số 47. Ngày 04/8/2017, do bà Đ rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện nên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp ban hành Quyết định số 28/2017/QĐST-HC đình chỉ giải quyết vụ án.

Ngày 26/9/2017, bà Nguyễn Thị Đ, ông Nguyễn T1 và ông Nguyễn Hùng V đồng nộp đơn khởi kiện tại Tòa án yêu cầu hủy Quyết định số 1006 và Quyết định số 47.

Theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 của Luật tố tụng hành chính, quy định:

*“ 2. Thời hiệu khởi kiện đối với từng trường hợp được quy định như sau:*

*a) 01 năm kể từ ngày nhận được hoặc biết được quyết định hành chính, hành vi hành chính, quyết định kỷ luật buộc thôi việc;*”

Căn cứ vào quy định trên và việc bà Đ nhận được Quyết định số 47 là vào ngày 03/3/2016, thì thời hiệu để bà khởi kiện Quyết định số 1006 và Quyết định số 47 là kể từ ngày 03/3/2016 đến hết ngày 03/3/2017. Như vậy, đến ngày 26/9/2017 bà Đ, ông T1 và ông V mới nộp đơn khởi kiện là đã hết thời hiệu khởi kiện theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 và điểm g khoản 1 Điều 143 của Luật tố tụng hành chính.

Tuy nhiên, do các bên không yêu cầu xem xét về thời hiệu nên Hội đồng xét xử vẫn tiếp tục giải quyết vụ án.

[4]. Về tố tụng: Người bị kiện Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Tháp có đơn xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 1 Điều 158 Luật tố tụng hành chính.

[5]. Về nội dung: Xét Quyết định số 1006/QĐ-UBND-NĐ ngày 14/10/2014 Chủ tịch UBND huyện T; Quyết định số 47/QĐ-UBND-NĐ ngày 18/02/2016 của Chủ tịch UBND Tỉnh Đồng Tháp:

Xét khiếu nại của bà Nguyễn Thị Đ là khiếu nại về việc UBND huyện T lấy đất của gia đình bà cho người khác thuê, căn cứ theo quy định tại khoản 1 điều 204 Luật đất đai 2013 và khoản 1 Điều 18 Luật khiếu nại năm 2011 thì Chủ tịch UBND cấp huyện giải quyết khiếu nại lần đầu là đúng thẩm quyền.

Sau khi thụ lý yêu cầu của bà Đ, UBND huyện T đã tiến hành tiếp xúc, thẩm tra xác minh vụ việc thì xác định là phần đất mà bà Nguyễn Thị Đ khiếu nại có nguồn gốc là của cha bà (ông Nguyễn T2) được chế độ Sài Gòn cấp trước năm 1975. Như vậy, việc cá nhân bà Đ đứng đơn khiếu nại là chưa có đủ tư cách mà phải tất cả những người đồng là hàng thừa kế thứ nhất của ông T2 cùng đứng đơn khiếu nại hoặc ủy quyền.

Do đó, khi bà Đ nộp đơn khiếu nại, căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 13 Luật tiếp công dân và Điều 5, Điều 6 của Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 quy định chi tiết một số điều của Luật khiếu nại, UBND huyện T phải hướng dẫn hoặc ra thông báo bằng văn bản yêu cầu bà Đ bổ sung văn bản cử đại diện của những người đồng là hàng thừa kế thứ nhất của ông T2. Trường hợp bà không cung cấp bổ sung thì Ủy ban ra thông báo bằng văn bản về việc không thụ lý giải quyết đơn theo quy định tại Điều 27 Luật khiếu nại và khoản 1 Điều 5 Thông tư số 07/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013 quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính.

Tuy nhiên, do UBND huyện T đã thụ lý giải quyết yêu cầu của bà Đ và qua quá trình xác minh đã xác định nguồn gốc diện tích đất là của ông T2 được chế độ cũ cấp trước năm 1975. Điều này đồng nghĩa với việc đã xác định bà Đ chưa có đủ tư cách khiếu nại mà phải do tất cả những người đồng thừa kế với bà cùng đứng đơn khiếu nại hoặc ủy quyền cho bà khiếu nại. Do đó, UBND huyện T cần giải quyết bác đơn khiếu nại của bà Đ do không đủ tư cách khiếu nại. Nhưng ngược lại, ngày 14/10/2014, Chủ tịch UBND huyện T ban hành Quyết định số 1006 giải quyết khiếu nại lần đầu của bà Đ, nội dung quyết định bác yêu cầu đòi đất của bà căn cứ theo quy định tại khoản 5 Điều 26 Luật Đất đai năm

2013. Không đồng ý với kết quả giải quyết nêu trên nên bà Đ tiếp tục khiếu nại đến Chủ tịch UBND Tỉnh theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Luật khiếu nại năm 2011. Ngày 18/02/2016, Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quyết định số 47 giải quyết bác đơn khiếu nại của bà Đ, lý do vẫn căn cứ theo định tại khoản 5 Điều 26 Luật Đất đai năm 2013 mà không phải là bác tư cách khiếu nại của bà Đ.

Xét thấy việc giải quyết yêu cầu đòi đất của bà Đ là chưa phù hợp theo quy định của pháp luật như đã phân tích trên nên ngày 17/7/2018 Chủ tịch UBND Tỉnh đã ban hành Quyết định số 232/QĐ-UBND-NĐ hủy Quyết định số 47 và ngày 26/7/2018 Chủ tịch UBND huyện Tân Hồng cũng đã ban hành Quyết định số 482 hủy Quyết định số 1006. Như vậy, tại phiên tòa việc người khởi kiện vẫn giữ yêu cầu hủy Quyết định số 1006/QĐ-UBND-NĐ ngày 14/10/2014 của Chủ tịch UBND huyện T và Quyết định số 47/QĐ-UBND-NĐ ngày 18/02/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Tháp là không có căn cứ để chấp nhận.

[6]. Tại phiên tòa, ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7]. Về án phí: Do bà Đ, ông T1 và ông V bị bác yêu cầu nên phải chịu tiền án phí hành chính sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/TUBT QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và điều 348 Luật tố tụng hành chính.

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào quy định tại Điều 30, Điều 32, Điều 158, điểm a khoản 2 Điều 193, khoản 1 Điều 348 Luật tố tụng hành chính 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Đ, ông Nguyễn T1 và ông Nguyễn Hùng V về việc yêu cầu hủy Quyết định số 1006/QĐ-UBND-NĐ ngày 14/10/2014 của Chủ tịch UBND huyện T, Quyết định số 47/QĐ-UBND-NĐ Ngày 18/02/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Tháp.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị Đ, ông Nguyễn T1 và ông Nguyễn Hùng V phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hành chính sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào

số tiền tạm ứng án phí ông bà đã nộp theo Biên lai thu số 17371 ngày 31/10/2017 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp.

Người khởi kiện, người bị kiện được quyền kháng cáo bản án hành chính sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Tháp được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết

***Nơi nhận:***
- TANDCC tại TP.HCM;
- Phòng KTNV-THA Tỉnh;
- VKSND Tỉnh;
- Cục THADS Tỉnh;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HSVA, THC (L).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Văn Mỹ**